KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026
NHÓM TRẺ 25 - 36 THÁNG

MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
TT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động			
1	- Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. - *Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần.*	1,2,3,4,5,6, 7,8,9,10
2	- Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	- Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Đứng co 1 chân. + Chạy theo hướng thẳng. + Chạy đổi hướng. + Đi theo đường ngoằn ngoèo. + Đi kết hợp với chạy. - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ. + Bật xa bằng 2 chân. + Nhún bật về phía trước. + Bật liên tục vào vòng.	1,2,3, 4, 5,6,7,8,9,10
3	- Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách	- Tập tung, ném, bắt: + Tung - bắt bóng cùng cô. + Ngồi lăn bóng cùng cô.	4, 6, 7

	1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	+ Tung bóng qua dây. + Tung bóng bằng 2 tay.	
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng. + Bò thẳng hướng theo đường hẹp. + Bò chui qua cổng. + Trườn qua vật cản. + Bò theo đường ngoằn ngoèo. + Bò qua vật cản. + Bước lên xuống bục cao 15cm.	1,2, 5,8,9, 10
5	- Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	- Tập tung, ném, bắt: + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích. + Ném xa bằng 1 tay.	3,4,7
6	- Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " Múa khéo".	- Đóng cọc bàn gỗ. - Lật mở trang sách. - Nhón nhặt đồ vật. - Trẻ biết chồng, xếp 6-8 khối.	1,4,7,10
7	- Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: Nhào đất nặn; Vẽ tổ chim; Xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Chắp ghép hình. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.	3,5,9
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	- Trẻ thích nghi được với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen trong ăn uống. *- Dạy bé tự xúc ăn, biết nói "con no rồi", "con thích ăn rau/cơm/cá..."* *- Trẻ nhận biết các loại thực phẩm tốt cho sức khỏe qua trò chơi "Ai nhanh mắt hơn", "Tô màu món ăn yêu thích"*	2,4,5

		- *Tổ chức bữa ăn theo chủ đề "Bé ăn đủ chất – Bé khỏe mạnh"* - *Dạy trẻ nhận biết quyền được ăn, được chăm sóc và được chơi*	
9	- Trẻ biết ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.	3,6
10	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.	4,7,8
11	- Trẻ biết làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh…).	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Trẻ tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Chuẩn bị chỗ ngủ.	9,10
12	- Trẻ biết chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	+ Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. Cho trẻ tham gia trồng cây nhỏ quanh lớp (giảm khí CO_2, tạo bóng mát) và tưới cây hàng ngày. - *Dạy trẻ tự chăm sóc bản thân: đội nón khi ra nắng, rửa tay sau khi chơi – đó là quyền được an toàn, khỏe mạnh*	6, 9
13	- Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	3,6
14	- Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (Leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn…) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	1,2

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
15	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi…Đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (Nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua). *- Nhận biết các loại rau củ quả, phân biệt món ăn có lợi và không có lợi.* *- Cho trẻ "nếm" thử mùi vị (ngọt, chua, mặn – an toàn, có kiểm soát) để phân biệt vị tốt xấu* *- Xếp loại thực phẩm: "Rau củ mọc từ đâu?"*	1,2,4,5,6,7
16	- Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. *- Trẻ được quyền hỏi, khám phá, đặt câu hỏi khi chơi và được tôn trọng ý kiến đơn giản như chọn đồ chơi yêu thích*	1,2,3,6,10
17	- Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.	1,3,4,6
18	- Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	- Tên, chức năng chính của một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	1
19	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ	- Nhận biết được tên, đặc điểm nổi bật và công dụng	4,5,7,8

	vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.	
20	- Trẻ chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	+ Nhận biết màu đỏ, vàng, xanh.	1,2,4,7,8, 9,10
21	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Nhận biết kích thước (to – nhỏ). - Nhận biết hình tròn, hình vuông. - Nhận biết vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Nhận biết số lượng (một - nhiều).	2,6,7,8,9,10
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
22	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ "Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay".	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	1, 2, 3, 4
23	- Trẻ trả lời được các câu hỏi : "Ai đây?"; "Cái gì đây?"; "…làm gì ?"; "thế nào ?" (ví dụ: con gà gáy thế nào?" ...).	- Nghe các câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Để làm gì?"; "Ở đâu?"; "Như thế nào?".	3, 4, 5, 7
24	- Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	1,2,3,4,5,6, 7,8,9,10
25	- Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Trả lời và đặt câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Ở đâu?"; "Thế nào?"; "Để làm gì?"; "Tại sao?"… - Phát âm các âm khác nhau.	5,6,7
26		- Nghe các bài thơ, đồng dao , ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.	1,2,3,4,5,6, 7,8,9,10

	- Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu từ 3 - 4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - *Đọc thơ: "Ăn rau củ quả", "Bé thích ăn cá"*	
27	- Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	3,8,9
28	- Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Trẻ biết chào hỏi, trò chuyện. + Trẻ biết bày tỏ nhu cầu của bản thân. + Trẻ biết hỏi về các vấn đề quan tâm như: "Con gì đây?"; " Cái gì đây?"…	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài. - Trả lời và đặt câu hỏi: "Cái gì?"; "Làm gì?"; "Ở đâu?"; "Thế nào?"; "Để làm gì?"; "Tại sao?"… - *Trẻ học nói lời đề nghị: "Cho con chơi với", "Con muốn tô màu" – thể hiện quyền được tham gia, bày tỏ ý kiến.*	1, 5, 10
29	- Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - *Dạy trẻ cách nói "Không thích" – "Xin lỗi" – "Cảm ơn" – "Bạn ơi, cho mình chơi với" để thể hiện nhu cầu, cảm xúc.*	2, 6, 7
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kĩ năng xã hội và thẩm mĩ			
30	- Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.	1, 2, 3
31	- Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	2,6
32	- Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	4,7,9
33	- Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ	- Nhận biết và thể hiện một	5,8

	hãi.	số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận.	
34	- Trẻ biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		6
35	- Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.	5
36	- Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Trẻ biết thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "Dạ", "Vâng ạ"; chơi cạnh bạn, không cấu bạn.	2,7,8
37	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Trẻ biết tập sử dụng đồ dùng đồ chơi. - *Tập mời bạn ăn, chia sẻ đồ ăn tượng trưng trong trò chơi "Bé mở tiệc nhỏ".* - *Trẻ biết cảm ơn cô sau bữa ăn.*	1,2,3,4,5,6, 7,8,9,10
38	- Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Trẻ biết chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - *Trẻ được quyền chơi, quyền chia sẻ đồ chơi và biết tôn trọng bạn bè*	1,2,3,4,5,6, 7,8,9,10
39	- Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Trẻ biết thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. - Trẻ biết thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.	7,9,10
40	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; Nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.	1,2,3,4,5,6, 7,8,9,10
41	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.	1,2,3,4,5,6, 7,8,9,10

	bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- *Tô màu trái cây, rau củ quả theo chủ đề.* - *Trẻ tự chọn màu, vật liệu, thể hiện ý tưởng cá nhân.* - Thực hiện dự án STEAM.	

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ NHÓM TRẺ 25 - 36 THÁNG

Thời gian ((Tháng, từ ngày 08/9/2025 đến ngày 22/5/2026)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ sung
(3 tuần) 08/9/2025 - 26/9/2025 08/9/2025 - 12/9/2025	**1**	**Bé vui đến trường**	Bé biết nhiều thứ.	1		
15/9/2025 - 19/9/2025			Lớp học của bé	1		
22/9/2025 - 26/9/2025			Các bạn của bé	1		
(3 tuần) 29/9/2025 - 17/10/2025 29/9/2025 - 03/10/2025	**2**	**Đồ chơi của bé**	Những đồ chơi bé thích.	1	**Tết trung thu**	
06/10/2025 - 10/10/2025			Bé vui đón tết trung thu	1		
13/10/2025 - 17/10/2025			Đồ chơi lắp ráp, xây dựng	1		
(2 tuần) 20/10/2025 - 31/10/2025 20/10/2025 - 24/10/2025	**3**	**Các cô, các bác trong trường mầm non**	Các cô, các bác trong trường mầm non	1	**20/10 ngày phụ nữ Việt Nam**	
27/10/2025 - 31/10/2025			Công việc của các cô, các bác trong trường mầm non	1		
(5 tuần) 03/11/2025 - 05/12/2025 03/11/2025 - 07/11/2025	**4**	**Cây và những bông hoa đẹp**	Em yêu cây xanh.	1	**20/11 ngày nhà giáo Việt Nam**	
10/11/2025 - 14/11/2025			Một số loại quả.	1		
17/11/2025 - 21/11/2025			Một số loại rau	1		
24/11/2025 - 05/12/2025			Những bông hoa đẹp	2		
(4 tuần) 08/12/2025 - 09/01/2026 08/12/2025 - 12/12/2025	**5**	**Những con vật đáng yêu**	Con vật nuôi trong gia đình (2 chân).	1	**Ngày quân đội nhân**	

15/12/2025 - 19/12/2025			Con vật nuôi trong gia đình (4 chân).	1	**dân Việt Nam**	
22/12/2025 - 26/12/2025			Những con vật sống trong rừng	1		
29/12/2025 - 02/01/2026			**Nghỉ tết dương lịch không soạn bài**			
05/01/2026 - 09/01/2026			Những con vật sống dưới nước.	1		
(4 tuần) 12/01/2026 - 06/02/2026 12/01/2026 - 16/01/2026	**6**	**Mẹ và những người thân yêu của bé**	Người thân của bé	1	**Kết thúc học kỳ I, bắt đầu học học kỳ II**	
19/01/2026 - 23/01/2026			Đồ dùng gia đình.	1		
26/01/2026 - 30/01/2026			Ngôi nhà của bé	1		
02/02/2026 - 06/02/2026			Nhu cầu dinh dưỡng của gia đình	1		
(4 tuần) 09/02/2026 - 13/3/2026 09/02/2026 - 13/02/2026	**7**	**Bé vui đón tết**	Ngày tết với bé	1	**8/3 Ngày quốc tế phụ nữ**	
16/02/2026 - 20/02/2026			**Nghỉ tết nguyên đán (không soạn giảng)**			
23/02/2026 - 27/02/2026			Các loại hoa trong ngày tết.	1		
02/3/2026 - 06/3/2026			Ngày hội của bà, mẹ và cô giáo	1		
09/3/2026 - 13/3/2026			Các loại quả trong ngày tết.	1		
(4 tuần) 16/3/2026 - 10/4/2026 16/3/2026 - 20/3/2026	**8**	**Bé đi khắp**	PT GT đường bộ	1		
			PT GT			

23/3/2026 - 27/3/2026		**nơi bằng phương tiện gì?**	đường thủy	1		
30/3/2026 - 03/4/2026			PT GT đường không	1		
06/4/2026 - 10/4/2026			Luật giao thông	1		
(3 tuần) 13/4/2026 - 01/5/2026 13/4/2026 - 17/4/2026	**9**	**Mùa hè đến**	Thời tiết mùa hè.	1		
20/4/2026 - 24/4/2026			Quần áo trang phục mùa hè.	1		
27/4/2026 - 01/5/2026			Bé làm được gì trong mùa hè.	1		
(3 tuần) 04/5/2026 - 22/5/2026 04/5/2026 - 08/5/2026	**10**	**Bé lên mẫu giáo**	Lớp mẫu giáo của bé	1		
11/5/2026 - 22/5/2026			Các hoạt động của bé trong lớp mẫu giáo.	2		
				35 Tuần		

GIÁO VIÊN

Ký bởi: Nguyễn Thị Lý
Thời gian ký: 10/09/2025 18:32:06

TỔ TRƯỞNG

Ký bởi: Chu Thị Mai
Thời gian ký: 10/09/2025 20:29:50

P. HIỆU TRƯỞNG

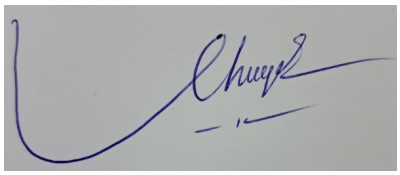

Ký bởi: Trần Thị Thuyết
Thời gian ký: 11/09/2025 07:13:45